

Bản án số: 12/2022/DS-ST

Ngày: 30/03/2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cương Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Tùng

2. Bà Ngô Thị Phương Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP.Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 96/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: đường N, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hồ Thanh L – Chuyên viên quản lý nợ (theo văn bản ủy quyền ngày 27/4/2021).

**2. Bị đơn:** bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện F, Tp Cần Thơ.

*(Đại diện nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại Đơn khởi kiện ngày 22/4/2021 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng TMCP S (viết tắt ngân hàng):*

Ngày 28/8/2019, bà Nguyễn Thị T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và

bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 12.219.500 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bà Nguyễn Thị T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.431.000 đồng (Trong đó: phí là 1.500.756 đồng, lãi là 2.139.148 đồng, nợ gốc là 719.096 đồng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị T vẫn không thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/06/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

- Tính đến ngày 15/3/2022, bà T còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 11.730.278 đồng

- Lãi quá hạn: 9.622.119 đồng

- Tổng cộng: 21.352.397 đồng

- Lãi trong hạn: 2,6%/tháng; Lãi quá hạn: 3,9%/tháng

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần nhắc nhở bà T, yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 15/3/2022 là 21.352.397 đồng, trong đó: Nợ gốc: 11.730.278 đồng, Lãi quá hạn: 9.622.119 đồng.

- Và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/3/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Các đương sự trình bày tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/03/2022, cụ thể:

Tiền gốc: 11.730.278 đồng

Lãi quá hạn: 9.850.854 đồng

Tổng cộng: 21.581.132 đồng

Yêu cầu Tòa án buộc bà T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 31/03/2022 đến khi trả dứt nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh thụ lý vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa Ngân hàng TMCP S với bị đơn ông Nguyễn Thị T là đúng thẩm quyền, Tòa án đã thu thập chứng cứ đầy đủ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện các bước của phiên tòa sơ thẩm đúng trình tự thủ tục theo quy định Tố tụng dân sự. Bị đơn bà T được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, tại phiên tòa lại tiếp tục vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tính án phí theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng bà Nguyễn Thị T vay tiền của nguyên đơn nhưng không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập họp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị T nhiều lần để tham gia xét xử vụ án nhưng ông đều vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Ngân hàng TMCP S đã ký kết văn bản Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với bà Nguyễn Thị T số hợp đồng 1338065 ngày 28 tháng 8 năm 2019, theo đó, bà T vay số tiền vốn 10.000.000đồng (mười triệu đồng), lãi suất trong hạn 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn 3,9%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 4.431.000 đồng (Trong đó: phí là 1.500.756 đồng, lãi là 2.139.148 đồng, nợ gốc là 719.096 đồng). Tạm tính đến ngày 15/3/2022, tổng số dư nợ đối với Hợp đồng tín

dụng mà bà T đã ký kết với Ngân hàng là 21.352.397 đồng, trong đó nợ gốc 11.730.278 đồng, nợ lãi quá hạn 9.622.119 đồng.

Do bên vay đã vi phạm thời hạn thanh toán nợ gốc, lãi nên bên cho vay khởi kiện đòi nợ là có căn cứ theo điểm g khoản 1 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng đã giao kết giữa Ngân hàng với bà T.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/03/2022, cụ thể: Tiền gốc: 11.730.278 đồng, Lãi quá hạn: 9.850.854 đồng, Tổng cộng: 21.581.132 đồng

Yêu cầu bà T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tính từ ngày 31/03/2022 đến khi trả dứt nợ.

[3] Về phía bà T, trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông nhiều lần để thu thập chứng cứ (tham gia hòa giải, xét xử vụ án, trình bày ý kiến về việc vay tiền, thanh toán nợ cho nguyên đơn hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nếu có) nhưng ông đều vắng mặt. bà T không phản đối những tình tiết, sự kiện liên quan việc vay tiền, số tiền đã trả và khoản nợ còn lại, các tài liệu mà nguyên đơn xuất trình (*Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Phiếu yêu cầu*) là đủ cơ sở để chứng minh việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn nhưng không thanh toán đầy đủ theo thỏa thuận và nguyên đơn khởi kiện đòi bà T trả nợ gốc và lãi là có căn cứ.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến này phù hợp với nhận định, quyết định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và ông Thịnh phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn nên bà Thêm phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định:  $21.581.132đ \times 5\% = 1.079.000đ$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 4, 5, 6, 11, 14, 26, 35, 147, 207, 227, 228, 262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP - TANDTC, ngày 11/01/2019, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 30/03/2022 số tiền tổng cộng là: 21.581.132 đồng (hai mươi một triệu, năm trăm tám mươi một ngàn, một trăm ba mươi hai đồng). Trong đó, tiền gốc là 11.730.278 đồng, Lãi quá hạn: 9.850.854 đồng.

Kể từ ngày 31/03/2022 nếu bị đơn không trả, thì còn phải chịu lãi tiếp theo đến khi bị đơn trả dứt nợ, mức lãi được tính theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/08/2019 đã được các bên giao kết.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là: 1.079.000đ (một triệu, không trăm bảy mươi chín ngàn đồng).

Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 402.000đ (*Bốn trăm lẻ hai ngàn đồng*), theo biên lai thu tiền số: AA/2019/016869, ngày 05/07/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, Tp Cần Thơ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án (trích sao án).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận  
- TAND TP Cần Thơ;  
- VKS TP Cần Thơ;  
- VKS huyện;  
- Thi hành án dân sự;  
- Các đương sự;  
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Nguyễn Cương Lĩnh**